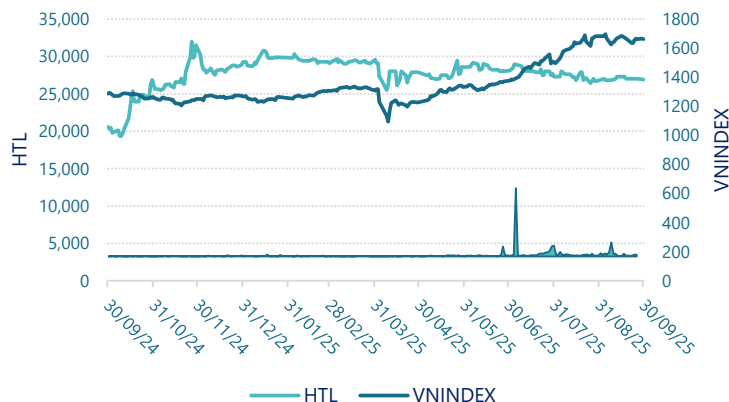


CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long (HSX: HTL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,970
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,343
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,005
% sở hữu nước ngoài	30.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	323
P/E	15.7
EPS	1,711

DT thuần

Q3/25

185

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0 | 16.8%

YoY: ▲ 50.0 | 36.7%

LN sau thuế

Q3/25

4.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.24 | 5.1%

YoY: ▼ 1.42 | -22.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.8%

+/- YoY: ▼ 2.5%

DT thuần

9T 2025

434

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 93.0 | 27.1%

LN sau thuế

9T 2025

13.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 6.20 | -31.9%

ROE

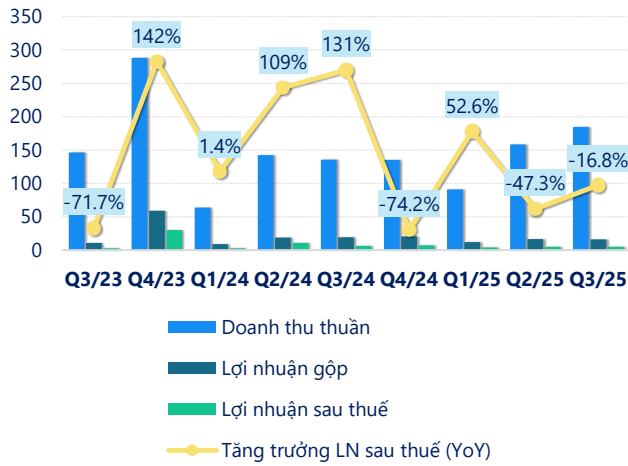
Q3/25

10.0%

+/- YoY: ▼ 12.1%

tỷ VNĐ

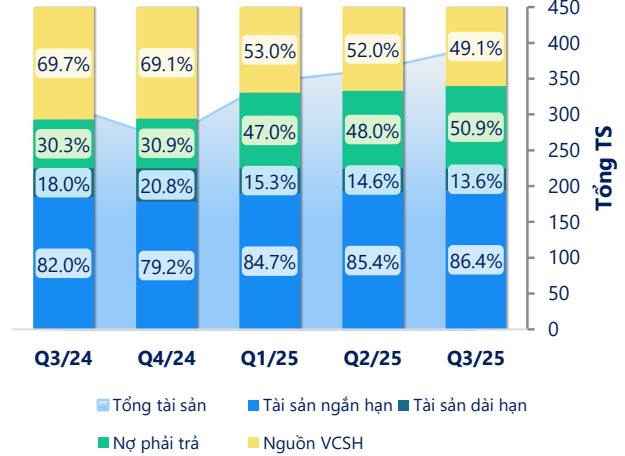
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

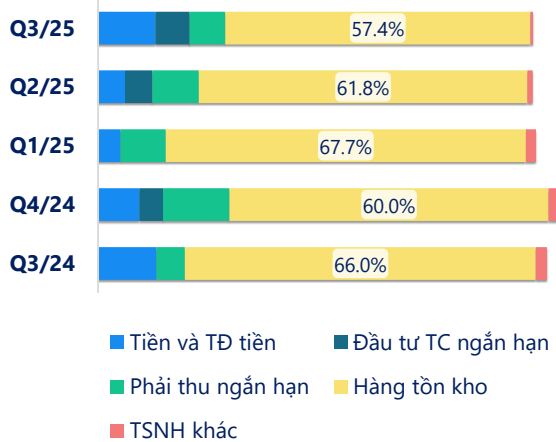
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



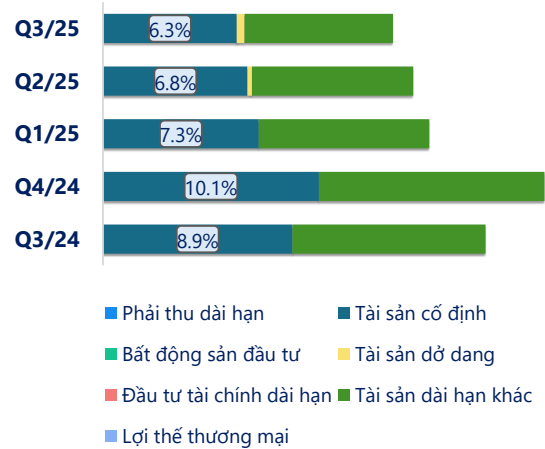
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

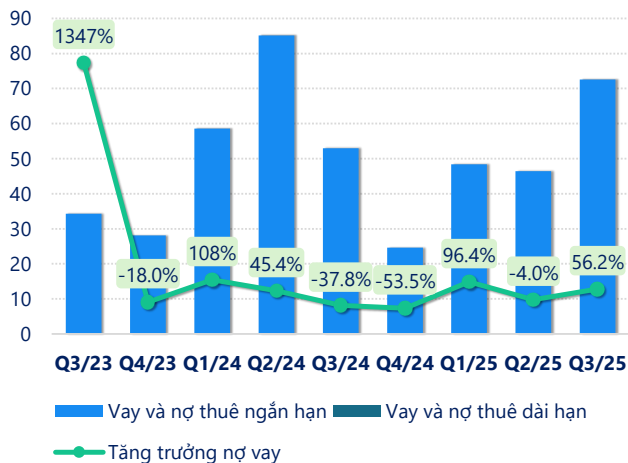
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

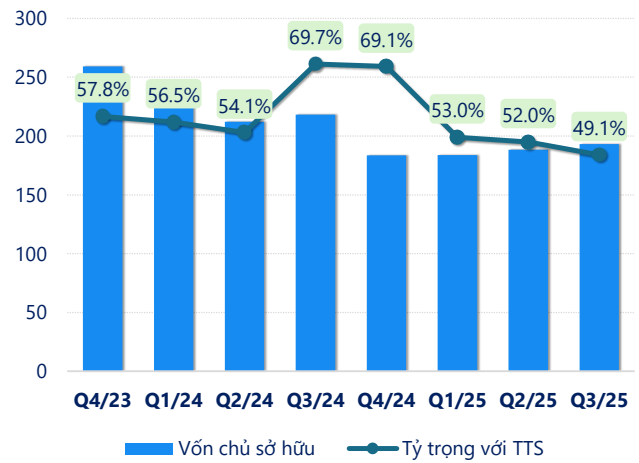
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



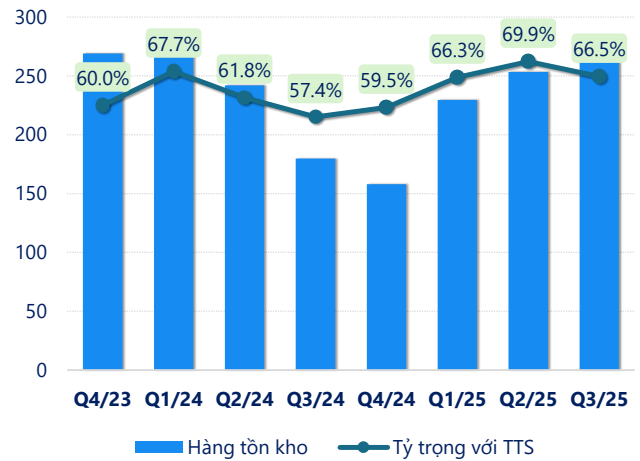
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

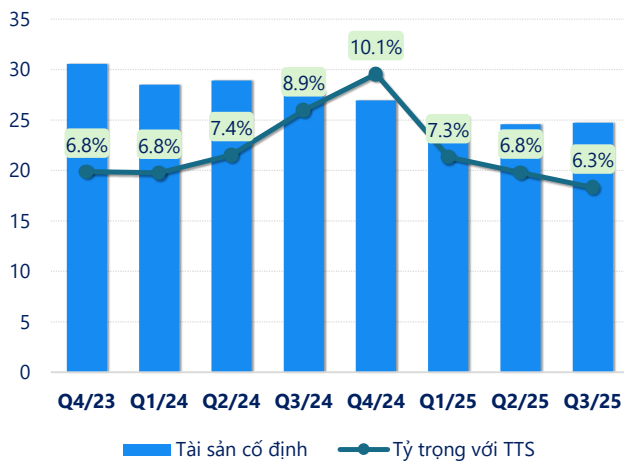

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


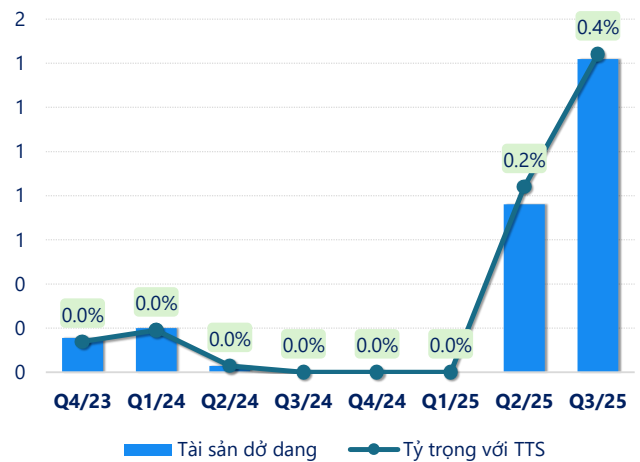
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

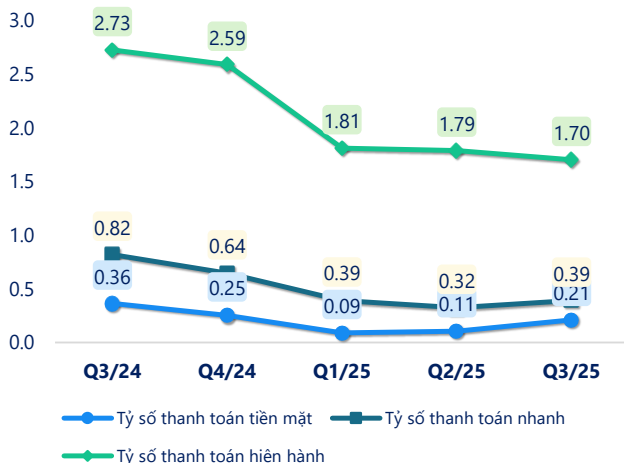
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

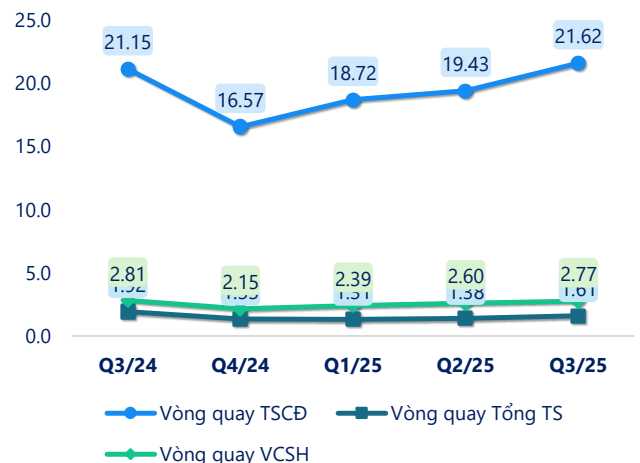
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	313	266	346	362	394
Tài sản ngắn hạn	257	211	293	309	340
Tiền và tương đương tiền	34.3	20.6	14.5	18.4	42.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.2	0.15	0.15	0.15	0.15
Phải thu ngắn hạn	21.1	29.3	41.4	27.4	25.3
Hàng tồn kho	180	158	230	253	262
Tài sản ngắn hạn khác	1.65	2.36	7.44	10.2	10.3
Tài sản dài hạn	56.4	55.1	53.1	52.9	53.7
Phải thu dài hạn	0	0.03	0.03	0.03	0.03
Tài sản cố định	27.9	26.9	25.3	24.6	24.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.76	1.42
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	28.5	28.2	27.8	27.5	27.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	95.1	82.1	163	174	201
Nợ ngắn hạn	94.3	81.3	162	173	200
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.0	24.6	48.4	46.5	72.6
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	31.1	75.6	76.1	71.1
Nợ dài hạn	0.76	0.76	0.76	0.89	0.76
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	218	184	184	188	193
Vốn chủ sở hữu	218	184	184	188	193
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)